

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

Số: 2134/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Phú Thọ, ngày 01 tháng 7 năm 2011***QUYẾT ĐỊNH****Về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000
phường Minh Nông, thành phố Việt Trì****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ từng loại quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 21/2005/QĐ-BXD ngày 22 tháng 7 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành quy định hệ thống ký hiệu bản vẽ trong các đồ án quy hoạch xây dựng, Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành "Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng";

Xét đề nghị tại Tờ trình số 2493/TTr-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2010 của UBND thành phố Việt Trì và Tờ trình số 110/SXD-KTQH ngày 14 tháng 2 năm 2010 của Sở Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 phường Minh Nông, thành phố Việt Trì do Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Bạch Đằng lập, có xác nhận của UBND phường Minh Nông và UBND thành phố Việt Trì; được Sở Xây dựng thẩm định, trình duyệt với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 phường Minh Nông, thành phố Việt Trì.

2. Chủ đầu tư: UBND thành phố Việt Trì.

3. Nội dung quy hoạch:

3.1. Vị trí và phạm vi nghiên cứu:

Bao gồm toàn bộ địa giới hành chính phường Minh Nông, thành phố Việt Trì với tổng diện tích tự nhiên là 589,22 ha; được giới hạn như sau:

- Phía Bắc giáp với phường Nông Trang và phường Minh Nông
- Phía Nam giáp với sông Hồng
- Phía Đông giáp với phường Tiên Cát và phường Gia Cẩm.
- Phía Tây giáp với phường Minh Phương, xã Tân Đức và xã Thụy Vân.

3.2. Mục tiêu quy hoạch:

Cụ thể hoá quy hoạch chung xây dựng thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; làm cơ sở pháp lý để quản lý; chỉ đạo việc lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 và các dự án đầu tư xây dựng, tiến hành các thủ tục cấp phép quy hoạch, giao đất, cấp phép xây dựng trên địa bàn phường.

3.3. Quy hoạch sử dụng đất và kiến trúc cảnh quan:

3.3.1. Quy hoạch sử dụng đất:

Bảng tổng hợp sử dụng đất:

Số TT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất công cộng	17,90	3,0
	- Đất công cộng hành chính	8,95	1,5
	- Đất giáo dục	7,73	1,3
	- Đất tôn giáo	1,22	0,2
2	Đất ở	177,23	30,1
	- Đất nhà ở cao tầng	13,01	2,2
	- Đất nhà ở biệt thự	24,41	4,1
	- Đất nhà lô	6,11	1,0
	- Đất ở tái định cư	4,92	0,8
	- Đất ở làng xóm	126,11	21,4
	- Đất nhà ở xã hội	2,67	0,5
3	Đất cây xanh - mặt nước	209,30	35,5
	- Đất cây xanh thành phố	10,35	1,8
	- Đất cây xanh TĐTT	24,29	4,1

	- Đất cây xanh cách ly	11,32	1,9
	- Mặt nước	163,34	27,7
4	Đất khu tịch điền	19,12	3,2
5	Đất tiểu thủ công nghiệp	8,06	1,4
6	Đất giao thông	57,56	9,8
7	Đất hạ tầng kỹ thuật	5,53	0,9
8	Đất nông nghiệp sạch	26,50	4,5
9	Đất du lịch sinh thái	67,45	11,4
	Tổng cộng:	589,22	100,00

3.3.2. Định hướng không gian kiến trúc cảnh quan:

a) Bố cục không gian kiến trúc toàn khu.

- Tổ chức không gian hài hòa với địa hình, cảnh quan thiên nhiên, mang đặc điểm của vùng trung du Bắc Bộ. Sử dụng các hồ nước, khu cây xanh kết nối với các khu khác, tạo thành hệ thống không gian xanh sinh thái.

- Kết nối hài hòa giữa khu đô thị mới với không gian ở hiện trạng, bố trí các không gian chuyển tiếp. Sử dụng các không gian như: Công viên, vườn hoa công cộng, công trình dịch vụ công cộng phục vụ chung cho cả khu đô thị mới và khu vực ở hiện trạng.

- Tổ chức hệ thống cây xanh liên hoàn; tổ chức các tuyến đi bộ và cây xanh, vườn hoa trong lõi các khu nhà ở, kết nối công viên trung tâm.

- Khai thác các trục giao thông chính: Đường Hùng Vương, QL 32C trong khu đô thị. Khai thác các trục không gian hướng về trung tâm thành phố Việt Trì.

b) Bố cục không gian các khu vực trọng tâm

- Khu trung tâm hành chính - văn hóa cấp phường mới: Khu trung tâm mới của phường bao gồm công trình hành chính, trạm xá, nhà văn hóa vẫn được bố trí tại vị trí UBND hiện trạng cũ. Công trình cao từ 2 đến 3 tầng, hình thức kiến trúc trang trọng, nghiêm túc, hiện đại. Bên cạnh trung tâm hành chính là nhà văn hóa phường.

- Khu vực phát triển mới - Khu đô thị phức hợp: Các khu đô thị mới được xây dựng đồng bộ, có chức năng ở kết hợp với thương mại dịch vụ và văn phòng, khoảng cách giữa các công trình đảm bảo thông thoáng. Các khu thấp tầng thống nhất về ngoại thất. Bố trí các công viên nhỏ và vườn hoa trong các khu ở. Cây xanh đường phố dọc theo tuyến đường chính trung tâm trồng các loại cây cao, tán rộng. Dọc theo các tuyến đường trong các khu ở, trồng các loại cây có nhiều hoa. Các khu vực đất trống được sử dụng làm khu công viên cây xanh, đào hồ điều hoà để tiêu thoát nước mặt. Các khu cây xanh

kết hợp với các sân thể thao như cầu lông, sân tennis. Trường tiểu học, THCS gắn với đơn vị ở, bán kính phục vụ khoảng 500m, tầng cao từ 2 đến 3 tầng.

- Khu vực ổn định: Giữ ổn định cấu trúc quy hoạch, nâng cấp các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật. Mật độ xây dựng không chế không quá 80%. Tầng cao 1 - 3 tầng. Mở rộng đường giao thông chính để liên kết thuận tiện. Tôn tạo cảnh quan làng xóm, trùng tu công trình di tích.

- Khu vực bảo tồn và tôn tạo cảnh quan: Bảo tồn tôn tạo cảnh quan thiên nhiên bên bờ sông Hồng, tổ chức khu công viên cây xanh ven sông với các loại hình nghỉ ngơi, vui chơi giải trí cho phường Minh Nông cũng như các khu vực lân cận và thành phố Việt Trì.

- Trục không gian kiến trúc chủ đạo: Đường trục chính vào trung tâm phường: Kiến trúc công trình hai bên có tầng cao 20 tầng, không gian dọc theo tuyến đường được thay đổi tạo thành các cảm giác đóng mở linh hoạt. Tạo ra chỉ giới xây dựng mềm, tại các khoảng lùi tổ chức các vườn hoa, quảng trường nước để tạo không gian mở... Hình thức kiến trúc tạo các đoạn phố có tầng cao đồng đều, màu sắc đồng nhất để tạo mỹ quan đô thị. Các trục phố chính có kết hợp hoạt động thương mại có quy định cụ thể đặt biển quảng cáo. Trên các trục đường chính có thiết kế đường cho người tàn tật, dải cây xanh chống ô nhiễm.

3.3.3. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a) Quy hoạch giao thông:

Mặt cắt các tuyến đường:

- Mặt cắt 1-1: Rộng 93,935m, bao gồm:

+ Đường Quốc lộ 32C: Rộng 23,50m (mặt đường 11,5m; hè phố 2x6,0m).

+ Đường điện 110KV: Rộng 12,00m (cột sắt 4,0m; hành lang 2x4,0m).

+ Đường sắt: Rộng 31,435m (khổ đường ray 1,435m; hành lang 2x15,0m).

+ Đường giao thông tiếp giáp đường sắt: Rộng 27,00m (mặt đường 19,0m; hè phố 2x4,0m).

- Mặt cắt 2-2: Rộng 44,50m (mặt đường 2x7,0m; hè phố 2x9,0m; giải phân cách 12,5m).

- Mặt cắt 3-3: Rộng 35,00m (mặt đường 2x10,5m; hè phố 2x6,0m; giải phân cách 2,0m).

- Mặt cắt 4-4: Rộng 27,00m (mặt đường 15,0m; hè phố 2x6,0m).

- Mặt cắt 5-5: Rộng 21,50m (mặt đường 2x6,5m; hè phố 2x3,0m; giải phân cách 2,5m).

- Mặt cắt 6-6: Rộng 20,50m (mặt đường 10,5m; hè phố 2x5,0m).

- Mặt cắt 7-7: Rộng 13,00m (mặt đường 7,0m; hè phố 2x3,0m).

- Mặt cắt 8-8: Rộng 11,50m (mặt đường 5,5m; hè phố 2x3,0m).

- Các tuyến đường còn lại là giao thông trong các khu dân cư cũ rộng từ 5,5m đến 7,0m được thể hiện trên mặt cắt 9-9 và 10-10.

Quy hoạch giao thông tĩnh: Các bãi đỗ xe được bố trí xen kẽ trong các lô đất quy hoạch.

b) Chuẩn bị kỹ thuật và thoát nước mặt:

Chuẩn bị kỹ thuật: Cơ bản bám theo quy hoạch chung, hướng dốc san nền chủ yếu từ Tây Bắc xuống Đông Nam. Đối với các khu vực xây dựng hiện trạng, cơ bản giữ nguyên cao độ, trong quá trình cải tạo chỉ san lấp cục bộ theo hướng dốc, theo định hướng của quy hoạch chung. Cao độ các nút giao thông chính và hướng dốc được xác định theo quy hoạch chung. Cao độ các nút giao thông nội bộ xác định phù hợp với mạng lưới thoát nước mưa, đảm bảo điều kiện thoát nước tự chảy.

Thoát nước mặt:

- Diện tích lưu vực thoát nước $F = 589,22$ ha. Tổng lưu lượng nước cần thoát $Q = 75,96\text{m}^3/\text{s}$.

- Phương án thoát nước

+ Mạng lưới thoát nước mưa được thiết kế riêng, kết hợp với hệ thống thoát nước hiện có và đầu nối vào hệ thống mương thoát nước. Hướng thoát nước được đưa về trạm bơm Tân Xuân và trạm bơm Minh Nông rồi chảy ra sông Hồng.

+ Trên cơ sở quy hoạch chiều cao, thiết kế hệ thống thoát nước mưa bao gồm các tuyến cống thoát nước tự chảy xả vào các tuyến kênh mương, ao hồ. Sử dụng công hợp bê tông cốt thép đặt trên vỉa hè. Trên mạng lưới bố trí các giếng thu, giếng thăm, khoảng cách các giếng là 50m. Nước mặt được thu gom vào hệ thống cống thoát nước bằng các cửa thu nước và giếng thu nước. Độ dốc dọc cống lấy theo độ dốc đường hoặc theo độ dốc tối thiểu theo quy định.

c) Quy hoạch hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

Quy hoạch thoát nước thải:

- Chỉ tiêu thoát nước thải

+ Thu gom nước thải sinh hoạt phải đạt $\geq 90\%$ lượng nước cấp sinh hoạt.

+ Thu gom nước thải sản xuất phải đạt $\geq 80\%$ lượng nước cấp sản xuất (tùy theo loại hình công nghiệp)

- Giải pháp thoát nước: Mạng lưới thoát nước thải được thiết kế riêng.

+ Thoát nước thải công nghiệp: Nước thải của các cơ sở sản xuất kinh doanh, trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung, phải được xử lý cục bộ đảm bảo tiêu chuẩn loại B. Hướng thoát nước thải công nghiệp đổ ra sông Hồng.

+ Thoát nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt trước khi đưa vào hệ thống thoát nước yêu cầu phải được xử lý qua bể tự hoại. Hướng thoát được đưa về trạm bơm Tân Xuân và trạm bơm Minh Nông rồi chảy ra sông Hồng.

Vệ sinh môi trường:

- Rác thải sinh hoạt

+ Rác thải sinh hoạt: 1,3kg/người-ngđ

+ Thu gom: $\geq 95,0\%$.

+ Tổng khối lượng rác thải sinh hoạt là 19,5 tấn/ngày

+ Bố trí các điểm thu gom, trung chuyển rác đảm bảo tiêu chuẩn. Rác được vận chuyển tới khu xử lý rác của thành phố Việt Trì.

- Rác thải công nghiệp: Các xí nghiệp có rác thải độc hại, phải xử lý trực tiếp các chất độc hại mang tính đặc thù, sau đó được vận chuyển và xử lý tập trung tại khu xử lý rác Trạm Thản.

d) Quy hoạch cấp nước:

Tiêu chuẩn và nhu cầu dùng nước:

- Với khu dân cư tiêu chuẩn nước sinh hoạt là:

+ 150 l/ng.ngđ cho khu vực mới quy hoạch

+ 100 l/ng.ngđ cho khu vực dân cư cải tạo

- Nước công cộng (tưới cây, rửa đường): $Q_{cc} = 10\%Q_{sh}$

- Dự phòng cho phát triển và rò rỉ là: $Q_{tt} = 20\% (Q_{sh} + Q_{cc})$

- Hệ số không điều hoà ngày $K_{ngày} = 1,4$

- Số giờ cấp nước trong ngày: 24 giờ

- Tổng nhu cầu dùng nước: 2.549,67m³/ngđ

Nguồn nước: Nguồn cấp nước được lấy từ hệ thống cấp nước chung của thành phố Việt Trì.

Mạng lưới cấp nước

- Tuyến ống truyền dẫn chính D300, điểm đầu với nguồn cấp tại vị trí trên đường Hùng Vương, đầu vào tuyến cấp nước D400 của thành phố Việt Trì.

- Tuyến ống phân phối D80 đến D65 chạy dọc theo các đường giao thông chính, lấy nước từ các đoạn ống truyền dẫn để phân phối.

Hệ thống cấp nước cứu hỏa: Hệ thống cấp nước cứu hỏa được thiết kế chung với mạng lưới cấp nước sinh hoạt, nước cứu hỏa được lấy từ các họng cứu hỏa được thiết kế trên mạng lưới theo hình thức chữa cháy áp lực thấp. Trên các tuyến ống truyền dẫn bố trí các họng cứu hỏa, khoảng cách giữa các họng cứu hỏa là 150m.

e) Quy hoạch hệ thống cấp điện:

Chỉ tiêu cấp điện

- Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt

+ Giai đoạn đầu từ 2009 - 2015: Chỉ tiêu cấp điện 750KWh/người/năm

+ Giai đoạn sau từ 2015 - 2020: Chỉ tiêu cấp điện 1.500KWh/người/năm

- Chỉ tiêu cấp điện công cộng bằng 35% phụ tải điện sinh hoạt.

- Chỉ tiêu cấp điện cho công nghiệp, kho tàng 140KW/ha

Công suất: Tổng công suất: 24.793,0KVA.

- Toàn phường xây dựng 16 trạm biến áp, trong đó 9 trạm cũ và xây mới 7 trạm biến áp. Bán kính phục vụ không quá 500m.

Phương án cấp điện:

- Nguồn cấp điện được lấy từ lưới điện trung thế trong khu vực đã cấp cho các trạm biến áp hiện có và trạm biến áp xây mới.

- Điện chiếu sáng: Đáp ứng nhu cầu chiếu sáng của từng khu vực. Trên trục chính sử dụng đèn chiếu sáng cao áp thủy ngân công suất 150W. Từng khu vực cụ thể bố trí loại hình chiếu sáng phù hợp.

Hệ thống cấp điện trong các khu đô thị mới bố trí đi ngầm; tại các khu chỉnh trang đô thị trên năm 2020 phải ngầm hoá toàn bộ.

f) Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc: Hệ thống thông tin liên lạc được đầu tư đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng của nhân dân. Trong các khu đô thị mới bố trí đi ngầm; tại các khu chỉnh trang đô thị đến năm 2020 phải ngầm hoá toàn bộ.

4. Thiết kế đô thị.

4.1. Chiều cao các công trình và chỉ giới xây dựng

Đọc tuyến đường trục chính của phường, bố trí các công trình công cộng có tầng cao tối thiểu là 7 tầng, tối đa là 21 tầng.

Trong các lô phố xây dựng nhà chung cư có tầng cao là 6-10 tầng. Các khu biệt thự có tầng cao tối đa là 3 tầng. Các khu nhà ở chia lô có tầng cao tối đa là 4 tầng. Khu dân cư cũ cải tạo có tầng cao tối đa là 3 tầng.

Chỉ giới xây dựng trên các tuyến phố lớn như đường trục chính và đường Quốc lộ 32C là 6m, tại các khu chia lô biệt thự 2-3m tùy vào từng đoạn đường trong khu vực.

Các công trình điểm nhấn tại các nút giao thông quan trọng có khoảng lùi so với chỉ giới xây dựng tối thiểu 20m. Khoảng lùi tại các trục đường khác lấy theo quy định của tiêu chuẩn kỹ thuật về quy hoạch xây dựng.

4.2. Khu vực bảo tồn và tôn tạo cảnh quan

Khu bãi bên kia sông Hồng là trục cây xanh cảnh quan. Hình thức kiến trúc công trình nhỏ, màu sắc hài hoà với cây xanh, hồ nước. Sử dụng vật liệu tự nhiên. Mật độ xây dựng thấp từ 3-5%. Tầng cao tối đa 2 tầng.

Toàn bộ bờ sông Hồng được kê bằng bê tông có lỗ trồng cỏ. Công trình kiến trúc nhỏ gồm ghé ngồi, chòi nghỉ, kiốt dịch vụ, kiến trúc trang trí... Hình thức của các công trình kiến trúc nhỏ, sử dụng vật liệu địa phương tự nhiên.

4.3. Khu vực ổn định.

Giữ ổn định cấu trúc quy hoạch, cải tạo nâng cấp cơ sở hạ tầng. Mật độ dân cư 30 - 80%. Tầng cao 2-3 tầng. Kiến trúc mái ngói, màu sắc công trình sáng màu.

Tôn tạo cảnh quan làng xóm, trùng tu công trình di tích, các không gian sinh hoạt công cộng của cộng đồng, tổ chức thêm các không gian sinh hoạt đêm, các vành đai xanh bảo vệ.

4.4. Khu vực phát triển mới

Được quy hoạch theo tiêu chuẩn của đô thị mới, có đầy đủ các thiết chế theo quy định.

Tổ chức không gian xanh, mặt nước, vườn hoa, khu văn hóa thể thao có quảng trường nhỏ để sinh hoạt cộng đồng.

Các công trình cao tầng từ 6 đến 10 tầng, hình thành trong lõi các khu đô thị mới với những kích thước đa dạng.

4.5. Trục không gian kiến trúc chủ đạo

Tuyến đường trung tâm và tuyến đường 32C, đây là các trục giao thông quan trọng. Kiến trúc công trình hai bên từ 7 - 21 tầng. Tại một số giao điểm của các trục chính, bố trí cụm công trình cao tầng là điểm nhấn của khu vực.

Hình thức kiến trúc hai bên đường được xây dựng thống nhất, tạo các đoạn phố có tầng cao đồng đều, kiến dáng kiến trúc, màu sắc hài hoà để. Các biển hiệu quảng cáo có kích thước vừa phải, vật liệu và kiểu dáng thống nhất, không cản trở tầm nhìn.

4.6. Các điểm cảnh quan quan trọng cần bảo tồn tôn tạo

Là các công trình di tích lịch sử - tôn giáo trong phường như khu lễ hội Tịch Điền, Chùa Bạch Đằng, nhà thờ họ, Nghĩa trang phường... Vành đai bảo vệ công trình tuân thủ quy định của Bộ Văn hóa thông tin. Xung quanh di tích chủ yếu tôn tạo cảnh quan trồng cây xanh, tổ chức đường vào, bãi đỗ xe, chiếu sáng, thoát nước và vệ sinh môi trường.

5. Đánh giá tác động môi trường:

Việc đánh giá tác động môi trường được tiến hành ngay từ khi triển khai lập quy hoạch đến khi tổ chức thực hiện dự án và đưa công trình vào khai thác sử dụng. Đánh giá tác động môi trường là xác định được tất cả các yếu tố gây ảnh hưởng xấu đến môi trường như: Môi trường không khí, môi trường nước, môi trường đất, môi trường cảnh quan và môi trường kinh tế xã hội.v.v... Biện pháp bảo vệ và giảm thiểu ô nhiễm môi trường nhằm đạt tới môi trường sống bền vững. Các biện pháp bảo vệ gồm:

- Bảo vệ môi trường không khí: Giảm lượng bụi, khí thải, tiếng ồn và dầu mỡ trong khu vực xây dựng bằng biện pháp tưới nước trên đường vận chuyển vật liệu, đất đá của

công trình; Sử dụng xe máy có mức độ hoạt động tốt và nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp:

- Bảo vệ môi trường nước: Đối với những khu vực trong mặt bằng xây dựng bị đọng nước do mưa hoặc có khả năng gây úng ngập cho khu vực xung quanh phải tổ chức làm rãnh thoát nước và không ảnh hưởng đến dòng chảy của khu vực, tác động môi trường bùn đất.

- Bảo vệ đất: Những khu vực dễ bị xói do mưa phải có biện pháp gia cố để bảo vệ công trình.

- Biện pháp xử lý chất thải: Những vật liệu xây dựng không sử dụng được phải thu gom và vận chuyển về nơi xử lý; Nước thải sinh hoạt phải được xử lý cục bộ qua bể tự hoại đảm bảo tiêu chuẩn cho phép mới được dẫn vào hệ thống thoát nước chung. Rác thải sinh hoạt được thu gom và vận chuyển đến nơi xử lý thông qua các thùng rác đặt tại các vị trí phù hợp.

Trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch, UBND thành phố Việt Trì chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 2. UBND thành phố Việt Trì có trách nhiệm phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan tổ chức công bố công khai quy hoạch chi tiết được duyệt; phối hợp với Sở Xây dựng và ban hành quy định quản lý quy hoạch xây dựng kèm theo quy hoạch chi tiết được phê duyệt; tổ chức lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 làm cơ sở quản lý xây dựng, quản lý kiến trúc cảnh quan và công trình ngầm. Thực hiện đầu tư xây dựng theo quy hoạch được phê duyệt và theo quy định hiện hành của pháp luật về xây dựng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc: Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch UBND thành phố Việt Trì, Chủ tịch UBND phường Minh Nông và Thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ quyết định thi hành.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Cúc (Đã ký)